

Số: *4061* /BC-BKHĐT

Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO
Công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2022

Thực hiện yêu cầu của Bộ Nội vụ tại văn bản số 581/BNV-CCHC ngày 21/02/2022 về việc hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính (CCHC) định kỳ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2022 của Bộ như sau:

1. Cải cách thể chế

Trong 06 tháng đầu năm 2022, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành và trình ban hành 10 văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

- Thông tư số 02/2022/TT-BKHĐT ngày 14/2/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về công tác giám sát, đánh giá đầu tư đối với hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Thông tư số 05/2022/TT-BKHĐT ngày 06/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Kế hoạch và Đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- Nghị định số 09/2022/NĐ-CP ngày 12/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2020/NĐ-CP ngày 24/8/2020 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện về đấu thầu mua sắm theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương để hướng dẫn thực hiện về đấu thầu mua sắm theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu, Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len.

- Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05/4/2022 về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.

- Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025.

- Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Cần Thơ.

Triển khai cập nhật văn bản quy phạm pháp luật do Bộ ban hành hoặc chủ trì soạn thảo trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo đúng quy định tại Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28/05/2015 của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

Thường xuyên thực hiện việc cung cấp thông tin về văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành (do Bộ chủ trì soạn thảo). Thực hiện nhiệm vụ rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Trong 6 tháng đầu năm 2022, Bộ thực hiện đánh giá tác động 17 thủ tục hành chính (TTHC). Trong đó, 04 TTHC có biểu mẫu và nội dung hướng dẫn chi tiết tại Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 hướng dẫn Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; 13 TTHC tại Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05/4/2022 của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Thực hiện Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC năm 2022¹, Bộ đã ban hành Kế hoạch rà soát TTHC năm 2022 tại Quyết định số 37/QĐ-BKHĐT ngày 14/01/2022. Hiện tại, Bộ đang thực hiện rà soát các TTHC thuộc lĩnh vực đầu

¹ Quyết định số 1808/QĐ-BKHĐT ngày 31/12/2021.

thầu quy định tại Luật Đấu thầu sửa đổi và nhóm TTHC về thành lập và hoạt động của hợp tác xã quy định tại Luật Hợp tác xã sửa đổi.

2.2. Kết quả thực hiện Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan tới hoạt động kinh doanh

Thực hiện hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ, Bộ đã tiến hành cập nhật, công khai các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trên Cổng tham vấn doanh nghiệp. Đến nay, Bộ đã hoàn thiện việc cập nhật 291 quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, trong đó 128 quy định đã được phê duyệt công khai; 06 quy định chờ duyệt; bãi bỏ 22 quy định; sửa đổi, bổ sung 02 quy định; 133 quy định đang được cập nhật hoàn thiện. Sau khi các quy định được cập nhật đầy đủ công khai, Bộ sẽ tổng hợp chi phí cắt giảm đơn giản hóa của Bộ.

2.3. Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc ngành lĩnh vực do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành

Trong 6 tháng đầu năm 2022, Bộ ban hành 03 quyết định công bố TTHC với tổng số 34 TTHC, trong đó: Ban hành mới là 05 TTHC, sửa đổi, bổ sung 20 TTHC, bãi bỏ và hủy công khai 09 TTHC, gồm các Quyết định²: (i) Công bố TTHC mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ và hủy công khai trong lĩnh vực đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; (ii) Công bố TTHC sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đấu thầu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; (iii) Công bố TTHC sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Tính đến nay, tổng số TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư là 226 TTHC, gồm: 64 TTHC cấp Trung ương, 138 TTHC cấp tỉnh, 21 TTHC cấp huyện và 03 TTHC cấp xã.

Toàn bộ các TTHC và các văn bản liên quan đến hoạt động kiểm soát TTHC của Bộ đều được đăng tải kịp thời tại chuyên mục “Công bố thủ tục hành chính” trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến và một cửa điện tử của Bộ, Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2.4. Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

a) Tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa

Bộ phận Một cửa của Bộ đã được tổ chức theo mô hình tập trung, thống nhất từ năm 2018. Để thực hiện các nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số

² Quyết định số 40/QĐ-BKHĐT ngày 14/01/2022; Quyết định số 39B/QĐ-BKHĐT ngày 14/01/2022; Quyết định số 1014/QĐ-BKHĐT ngày 03/6/2022.

điều Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và văn bản số 2319/VPCP-KSTT ngày 14/4/2022 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn sử dụng bộ nhận diện thương hiệu, Bộ đã triển khai việc thay biển tên theo hướng dẫn và bổ sung thêm thiết bị, máy tính, máy scan cho Bộ phận Một cửa để thực hiện việc số hóa hồ sơ giải quyết TTHC từ ngày 01/6/2022 theo quy định.

b) Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC

Bộ đã và đang triển khai việc thực hiện số hóa kết quả giải quyết TTHC theo Kế hoạch số 753/KH-BKHĐT ngày 09/02/2021. Việc thực hiện số hóa kết quả giải quyết TTHC chủ yếu đối với các TTHC lĩnh vực đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài. Toàn bộ nội dung kết quả giải quyết TTHC của các dự án đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài đã được chuyển đổi đầy đủ từ bản giấy sang bản điện tử (định dạng file pdf) và đã lưu vào Hệ thống lưu trữ dữ liệu nội bộ của Bộ.

Hồ sơ giải quyết TTHC lĩnh vực đấu thầu đối với các TTHC về đăng ký nhà thầu, nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; đăng ký thay đổi thông tin nhà thầu, nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu đã được tiếp nhận hồ sơ, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC trực tuyến trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Do vậy, toàn bộ hồ sơ về TTHC và kết quả giải quyết TTHC được lưu trữ tại kho dữ liệu điện tử của Bộ trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Đối với các TTHC lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến trên Cổng thông tin doanh nghiệp và tiếp nhận bằng văn bản qua hệ thống gửi, nhận văn bản điện tử e-office. Kết quả giải quyết TTHC được cập nhật, công khai trực tiếp trên Cổng thông tin doanh nghiệp.

Các TTHC trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp được thực hiện tập trung toàn quốc trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp từ năm 2010. Do đó, 100% kết quả giải quyết TTHC đã được xử lý dưới dạng thông tin số và lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Thực hiện yêu cầu của Văn phòng Chính phủ tại văn bản số 2866/VPCP-KSTT ngày 09/5/2022 về việc thực hiện một số việc được giao tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ đã có văn bản số 3194/BKHĐT-VP ngày 16/5/2022 đề đơn đốc các đơn vị khẩn trương triển khai thực hiện các nhiệm vụ như:

(i) Thực hiện số hóa hồ sơ và tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trong tiếp nhận, giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa của Bộ kể từ ngày 01/6/2022;

(ii) Thực hiện tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ

công quốc gia. Ưu tiên tích hợp các dịch vụ công theo danh mục tại Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh mục dịch vụ công trực tuyến tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia năm 2022;

(iii) Chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình, nghiệp vụ, tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đối với các TTHC thực hiện tại Bộ tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp theo hướng tận dụng, khai thác, chia sẻ giữa Bộ với các đơn vị;

(iv) Xây dựng và hoàn thiện Quy chế hoạt động của Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của Bộ theo quy định tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa.

c) Tổng hợp, cập nhật kết quả giải quyết hồ sơ TTHC

Trong 6 tháng đầu năm 2022, Bộ tiếp nhận và giải quyết 5.410 hồ sơ TTHC. Tất cả hồ sơ TTHC giải quyết tại Bộ đều được tiếp nhận và giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Việc giải quyết TTHC được thực hiện hằng ngày tại Cục Quản lý đấu thầu, Cục Đầu tư nước ngoài, Cục Phát triển doanh nghiệp và Bộ phận Một cửa của Bộ đặt tại Văn phòng Bộ, cụ thể:

- Lĩnh vực đấu thầu tiếp nhận và giải quyết 5.108 hồ sơ TTHC, trong đó: 4.030 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến; 1.012 hồ sơ qua bưu chính công ích và trực tiếp; 66 hồ sơ kỳ trước chuyển qua; 5.067 hồ sơ đã giải quyết; 41 hồ sơ đang trong thời hạn xem xét giải quyết.

- Lĩnh vực đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài tiếp nhận 176 hồ sơ, trong đó: 30 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến, số hồ sơ tiếp nhận qua bưu chính công ích và trực tiếp là 99, 47 hồ sơ kỳ trước chuyển qua; 116 hồ sơ đã được giải quyết, 60 hồ sơ đang trong quá trình giải quyết và chưa đến hạn trả kết quả.

- Lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp nhận 111 hồ sơ, trong đó: 32 hồ sơ tiếp nhận mới thông qua hệ thống gửi, nhận văn bản điện tử e-office, 03 hồ sơ tiếp nhận trực tiếp, 76 hồ sơ kỳ trước chuyển qua; 111/111 hồ sơ đã được giải quyết.

- Lĩnh vực vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam đã thực hiện tiếp nhận và phê duyệt 15 hồ sơ dự án và văn kiện dự án.

d) Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC

Trong 6 tháng đầu năm 2022, Bộ đã tiếp nhận 33 phản ánh, kiến nghị của các cá nhân, tổ chức liên quan đến TTHC, các phản ánh, kiến nghị đã hoàn thành xử lý và công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Cổng thông tin điện tử

của Bộ. Thời hạn và nội dung văn bản trả lời đều đáp ứng được yêu cầu trong văn bản phản ánh, kiến nghị.

Bên cạnh đó, Bộ đã tiếp nhận và trả lời 112 ý kiến của các cá nhân, tổ chức liên quan đến chính sách và quy định hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Bộ trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

đ) Tình hình tích hợp dịch vụ công của Bộ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

Bộ đã tích hợp và cung cấp dịch vụ công cho 54 TTHC dịch vụ công trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, gồm các TTHC lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, lĩnh vực đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và lĩnh vực đấu thầu.

Hiện tại, việc tích hợp và cung cấp dịch vụ công trực tuyến của Bộ được thực hiện theo Quyết định số 953/QĐ-BKHĐT ngày 24/4/2022 phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện tích hợp cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia năm 2022.

Hiện nay, TTHC trong lĩnh vực đấu thầu về đăng ký tư cách nhà thầu, nhà đầu tư; thay đổi thông tin nhà thầu, nhà đầu tư; đăng ký thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu đã được thực hiện trên môi trường điện tử.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

3.1. Kết quả rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc và trực thuộc Bộ:

- Trong 6 tháng đầu năm 2022, Bộ đã hoàn thành việc rà soát các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Bộ, các tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập, hoàn thiện hồ sơ gửi Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ thẩm định dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ (công văn số 1186/BKHĐT ngày 28/02/2022).

- Ngày 29/3/2022, Bộ đã có Tờ trình gửi Thủ tướng Chính phủ báo cáo về việc xây dựng dự thảo Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ.

- Ngày 22/4/2022, Bộ đã có Tờ trình gửi Ban Chỉ đạo Đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ báo cáo về việc xây dựng dự thảo Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ.

- Tính đến thời điểm báo cáo, Bộ đã hoàn thành việc ban hành và trình ban hành các Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc Bộ.

3.2. Đánh giá về tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức

Trên cơ sở văn bản của Bộ Nội vụ về việc giao chỉ tiêu biên chế hành chính và biên chế sự nghiệp năm 2022 cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ đã ban hành:

+ Quyết định số 718/QĐ-BKHĐT ngày 30/3/2022 về việc giao chỉ tiêu biên chế công chức cho các đơn vị hành chính là 6.096 chỉ tiêu biên chế và 666 chỉ tiêu lao động hợp đồng 68;

+ Quyết định số 719/QĐ-BKHĐT ngày 30/3/2022 về việc giao số lượng người làm việc và lao động hợp đồng cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ năm 2022. Theo đó, biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước là 918 chỉ tiêu; biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp là 138 chỉ tiêu; lao động hợp đồng 68 là 122 chỉ tiêu.

Bộ đã xây dựng kế hoạch biên chế công chức tại cơ quan hành chính, số lượng người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập và lao động hợp đồng 68 năm 2023, gửi Bộ Nội vụ theo quy định.

3.3. Đánh giá kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa Trung ương và địa phương đối với ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý

Bộ thực hiện sắp xếp, tổ chức kiện toàn, củng cố các đơn vị thuộc Bộ được phân công thực hiện quản lý chuyên ngành, lĩnh vực, đồng thời hình thành tích hợp một số cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực cấp Cục thuộc Bộ để quản lý chuyên sâu, ổn định đối với những ngành, lĩnh vực quan trọng của Bộ (Cục Quản lý đấu thầu, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, Cục Phát triển doanh nghiệp, Cục Đầu tư nước ngoài, Cục Phát triển hợp tác xã). Việc thành lập các cơ quan quản lý sâu các chuyên ngành, lĩnh vực này là hết sức cần thiết, phù hợp với yêu cầu quản lý của Bộ đa ngành, đa lĩnh vực và tăng hiệu quả quản lý nhà nước, đồng thời góp phần phối hợp giải quyết tốt hơn công việc quản lý các chuyên ngành, lĩnh vực trong Bộ, nâng cao tính ổn định của hệ thống hành chính nhà nước nói chung. Các tổ chức quản lý chuyên ngành có tính độc lập tương đối theo đặc điểm, tính chất của từng chuyên ngành.

4. Cải cách chế độ công vụ

4.1. Kết quả xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức theo quy định của Chính phủ

Hiện Bộ đã gửi Bộ Nội vụ dự thảo Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành và định mức biên chế ngành Kế hoạch, đầu tư và Thống kê. Sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt Bộ sẽ ban hành Thông tư (dự kiến ban hành trong Quý III/2022).

4.2. Kết quả thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức

Bộ đã hoàn thành kỳ thi tuyển công chức Bộ Kế hoạch và Đầu tư năm 2021, ban hành Quyết định tuyển dụng đối với 48 công chức trúng tuyển và bổ nhiệm ngạch cho những công chức đủ điều kiện theo quy định. Thực hiện tuyển dụng không qua thi đối với 04 trường hợp vào công chức tại 03 đơn vị thuộc Bộ.

4.3. Kết quả thực hiện bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức

Trong 6 tháng đầu năm 2022, đối với nhân sự thuộc diện Ban cán sự đảng quản lý, Bộ đã thực hiện quy trình điều động, bổ nhiệm 06 trường hợp; bổ nhiệm tại chỗ 08 trường hợp; tiếp nhận, bổ nhiệm 01 trường hợp. Bên cạnh đó, Bộ đã triển khai quy trình và hoàn thành thủ tục bổ nhiệm lại 06 công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành nhằm tạo điều kiện cho các đơn vị thuộc Bộ hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

4.4. Kết quả thực hiện nâng lương, thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức

Trong 6 tháng đầu năm, Bộ đã thực hiện nâng lương và phụ cấp các loại cho 162 trường hợp; cử 21 công chức thi nâng ngạch lên chuyên viên cao cấp; cử 13 trường hợp viên chức thi thăng hạng lên nghiên cứu viên chính, kỹ sư chính. Hiện Bộ đang xây dựng Đề án thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức năm 2021-2022 trình Bộ Nội vụ phê duyệt theo quy định.

4.5. Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức

Trong 6 tháng đầu năm Bộ đã phổ biến Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2022 của Bộ kèm theo Quyết định số 1816/QĐ-BKHĐT ngày 31/12/2021 đến toàn thể công chức, viên chức thuộc Bộ. Tính đến thời điểm báo cáo, Bộ đã tổ chức 08 lớp bồi dưỡng cho tổng số 394 học viên là công chức, viên chức của Bộ và ngành Kế hoạch Đầu tư. Các lớp học chủ yếu về các nội dung: bồi dưỡng ngạch chuyên viên, chuyên viên chính; tập huấn hướng dẫn Quy trình kiểm tra về kế hoạch và đầu tư; bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh đối tượng 4; bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu - Chương trình cơ bản đối với lựa chọn nhà thầu; bồi dưỡng nâng cao năng lực thẩm định và quản lý nhà nước trong hoạt động đấu thầu cho cán bộ ngành Kế hoạch và Đầu tư ở miền Bắc, miền Trung và Tây Nguyên.

Dự kiến trong thời gian còn lại của tháng 6, Bộ sẽ tổ chức 03 lớp bồi dưỡng cho 210 học viên là công chức, viên chức của Bộ và ngành Kế hoạch Đầu tư.

5. Về cải cách tài chính công

5.1. Phân bổ ngân sách cho cơ quan hành chính nhà nước

a) Chi thường xuyên

Tiếp tục thực hiện dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2022 theo Quyết định số 241/QĐ-BKHĐT ngày 18/3/2022 và Quyết định số 914/QĐ-BKHĐT ngày 10/5/2022. Thực hiện áp dụng Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và Kho bạc (Tabmis) vào công tác quản lý NSNN tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Cập nhật số dự toán được giao và bổ sung dự toán được giao trên hệ thống Tabmis, làm cơ sở theo dõi tình hình thực hiện dự toán của các đơn vị.

b) Chi đầu tư

- Tổng số vốn được giao: **611.300 triệu đồng**

Tại Quyết định số 2048/QĐ-TTg ngày 06/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2022, tổng số kế hoạch đầu tư Bộ Kế hoạch và Đầu tư được giao là 611.300 triệu đồng. Trong đó vốn trong nước là 581.300 triệu đồng (đầu tư theo ngành, lĩnh vực); vốn nước ngoài là 30.000 triệu đồng.

Số vốn đã được quyết định phân bổ chi tiết: **611.300 triệu đồng**

Đến ngày 31/5/2022, tổng số vốn đã được giao chi tiết là: 611.300 triệu đồng (vốn trong nước 581.300 triệu đồng; vốn nước ngoài 30.000 triệu đồng).

5.2. Đối với công tác công khai NSNN

Bộ đã thực hiện Công khai dự toán NSNN năm 2022 và quyết toán NSNN năm 2020 theo quy định tại Quyết định số 782/QĐ-BKHĐT ngày 14/4/2022.

5.3. Thực hiện cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ

Bộ đã báo cáo tình hình thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 43/2006/NĐ-CP, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP, Nghị định số 54/2016/NĐ-CP gửi Bộ Tài chính theo công văn số 1196/BKHĐT-VP ngày 28/02/2022.

5.4. Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công

Tiếp tục thực hiện quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công; Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP: rà soát, sắp xếp các cơ sở nhà, đất; hoàn thiện hồ sơ, lập phương án sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Thực hiện việc xử lý tài sản của dự án đã kết thúc hoạt động.

Tiếp tục thực hiện văn bản số 663/VPCP-KTTH ngày 26/01/2022 của Văn phòng Chính phủ về tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù theo quy định tại khoản 7 Điều 17 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP.

Đăng nhập, rà soát, duyệt số liệu trên Phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

6. Về hiện đại hóa hành chính

6.1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch cải cách hành chính năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Quyết định số 1701/QĐ-BKHĐT ngày 24/12/2021

a) Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số ở bộ, cơ quan.

Trong 6 tháng đầu năm 2021, Bộ đã ban hành các văn bản để làm cơ sở tiếp tục phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số ở Bộ:

- Kiện toàn và đổi tên Ban Chỉ đạo Chính phủ điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Quyết định số 1809/QĐ-BKHĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư);

- Ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu, Danh mục dữ liệu mở của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Quyết định số 1814/QĐ-BKHĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư);

- Chỉ thị về việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành, xử lý công việc tại Bộ (Chỉ thị số 02/CT-BKHĐT ngày 14/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư);

- Ban hành Kế hoạch hành động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số Bộ Kế hoạch và Đầu tư năm 2022 (Quyết định số 871/QĐ-BCĐCĐS ngày 29/4/2022 của Trưởng ban chỉ đạo chuyển đổi số Bộ Kế hoạch và Đầu tư);

- Ban hành Quy định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Quyết định số 915/QĐ-BKHĐT ngày 10/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

b) Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật

- Tiếp tục duy trì hoạt động ổn định và nâng cấp hạ tầng Hệ thống mạng nội bộ, Trung tâm dữ liệu và các ứng dụng của Bộ.

- Tiếp tục duy trì, triển khai Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử của Bộ phiên bản 2.0 được ban hành tại Quyết định số 1433/QĐ-BKHĐT ngày 28/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

c) Kết quả xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng

- Tiếp tục triển khai xây dựng thử nghiệm Hệ thống thông tin và dữ liệu quốc gia về quy hoạch;

- Tiếp tục triển khai Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công trên toàn quốc: đã xây dựng, triển khai các chức năng đáp ứng theo 23 văn bản yêu cầu của Bộ (93 chức năng và 58 báo cáo mới) trong việc tổng hợp, rà soát kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, kế hoạch đầu tư công năm 2022, việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân,...

- Tiếp tục triển khai Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ, đã hoàn thành việc kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ. Hiện nay Bộ đang trong quá trình thực hiện việc điện tử hóa và cung cấp dữ liệu theo Quyết định số 293/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; tình hình thực hiện đến nay như sau: Số chỉ tiêu do Bộ chủ trì phải cung cấp là 101 chỉ tiêu (trên tổng số 200 chỉ tiêu), gồm 260 báo cáo; Tổng số báo cáo đã gửi sang Văn phòng Chính phủ là 92 báo cáo, thuộc 56 chỉ tiêu.

d) Kết quả xây dựng, phát triển dữ liệu

- Tiếp tục phát triển các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu theo lộ trình của Chính phủ và kế hoạch triển khai, thực hiện Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo Quyết định số 1265/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Triển khai kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu với Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo yêu cầu tại Quyết định số 1498/QĐ-TTg ngày 11/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số tại Bộ giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030.

đ) Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ

- Ứng dụng có hiệu quả các hệ thống: Quản lý thông tin tổng thể; Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc; theo dõi tình hình thực hiện các nhiệm vụ tích hợp với hệ thống của Chính phủ; Lưu trữ điện tử; Thư điện tử; Ứng dụng chữ ký số; Phần mềm Quản lý tiền lương; Phần mềm Quản lý cán bộ, công chức, viên chức.

- Các đơn vị tiếp tục sử dụng chữ ký số trên Hệ thống Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc để điều hành công việc qua mạng: 100% các đơn vị ứng dụng (100% các đơn vị được cấp chứng thư số, 100% Lãnh đạo Bộ và Lãnh đạo đơn vị được cấp chứng thư số; Số chứng thư số: 1.362).

- Tiếp tục triển khai Trung tâm nghiên cứu dữ liệu và năng lực điều hành hệ thống thông tin của Bộ: Hoàn thành xây dựng Trung tâm điều hành thử nghiệm của Bộ; Trung tâm điều hành thử nghiệm được kết nối đến các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu sẵn có của Bộ, bao gồm: Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài; Hệ thống thông tin về đầu tư công; Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; Hệ thống thông tin về giám sát, đầu tư; Hệ thống cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia; cơ sở dữ liệu theo dõi nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao... Đồng thời, sử dụng Trung tâm điều hành để tổ chức các cuộc họp trực tuyến (từ 01/01/2022 đến 26/5/2022 là: 85 cuộc họp).

e) Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp: Tiếp tục cung cấp thông tin chính thống của Bộ trên Cổng thông tin điện tử và các trang tin điện tử theo các quy định của pháp luật

Số liệu về kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi Phụ lục kèm theo.

Trên đây là kết quả triển khai công tác CCHC 6 tháng đầu năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, xin gửi Quý Bộ để tổng hợp. */s/*

Nơi nhận:

- Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ;
- Bộ Nội vụ (Vụ CCHC);
- Trung tâm Tin học (để đăng tải lên trang thông tin nội bộ);
- Lưu: VT, Vụ TCCB. *43*



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

Trần Duy Đông

**PHỤ LỤC: THÔNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
TẠI BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

(Ban hành kèm theo Công văn số 4061/BKHĐT-TCCB ngày 17/6/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)



**Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC**

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	3	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%		
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	54	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	20	Bao gồm các nhiệm vụ thực hiện từ tháng 1 đến tháng 12
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số cơ quan, đơn vị thuộc bộ đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
3.2.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
3.2.1.	Tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
3.2.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
4.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	206	
4.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	87	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	44	
4.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	02	
5.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0		
5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
5.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản		
1.1.	Số luật, pháp lệnh được thông qua	Văn bản		
1.2.	Số nghị định được ban hành	Văn bản	1	
1.3.	Số thông tư được ban hành	Văn bản	1	
2.	Tình hình xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết			
2.1.	Tổng số văn bản quy định chi tiết được cấp có thẩm quyền giao	Văn bản		
2.2.	Số văn bản quy định chi tiết đã được ban hành	Văn bản		
2.3.	Số văn bản quy định chi tiết còn nợ đọng (<i>quá hạn</i>)	Văn bản		
3.	Tỷ lệ xử lý văn bản quy phạm pháp luật sau kiểm tra	%		
3.1.	Tổng số văn bản quy phạm pháp luật cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản		
3.2.	Số văn bản quy phạm pháp luật có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
4.	Tỷ lệ xử lý văn bản quy phạm pháp luật sau rà soát	%		
4.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản		
4.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục		
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	02	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	25	
1.4.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực thuộc ngành, lĩnh vực do bộ quản lý	Thủ tục	226	
1.4.1.	Số TTHC cấp Trung ương	Thủ tục	64	
1.4.2.	Số TTHC cấp tỉnh	Thủ tục	138	
1.4.3.	Số TTHC cấp huyện	Thủ tục	21	
1.4.4.	Số TTHC cấp xã	Thủ tục	03	
2.	Cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan tới hoạt động kinh doanh			
2.1.	Tổng số quy định đã được thống kê	Quy định	291	
2.2.	Số quy định đã được phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa	Quy định	128	

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.3.	Số quy định đã chính thức được cắt giảm, đơn giản hóa	Quy định	22	
2.4	Chi phí tuân thủ quy định đã giảm sau khi thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa	Triệu đồng		
3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông		0	
3.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	0	
3.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		
3.3.	Số TTHC (thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ, cơ quan) đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục		
4.	Kết quả giải quyết TTHC			
4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn	%	100	
4.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	5.410	
4.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	5.410	
4.2.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100	
4.2.1.	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	<i>PAKN</i>	31	
4.2.2.	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	<i>PAKN</i>	31	01 ý kiến đang trong quá trình xem xét cho ý kiến theo quy định

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	0	
3.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	0	
3.3.	Số TTHC (thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ, cơ quan) đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục		
4.	Kết quả giải quyết TTHC			
4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn	%	100	
4.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	3.007	
4.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	3.007	
4.2.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100	
4.2.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	05	
4.2.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	04	01 ý kiến đang trong quá trình xem xét cho ý kiến theo quy định

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tham mưu ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan	Đã trình CP = 2 Đã có dự thảo = 1 Chưa có dự thảo = 0	2	
1.2.	Sắp xếp, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị trực thuộc, đáp ứng các tiêu chí theo quy định.	Hoàn thành = 1 Chưa hoàn thành = 0	1	
1.3.	Ban hành thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện theo lĩnh vực, phạm vi quản lý	Đã ban hành = 1 Chưa ban hành = 0	1	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do bộ, cơ quan thành lập hoặc được giao chủ trì thực hiện.	Tổ chức		
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	6.096	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	5.499	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan, tổ chức hành chính thuộc và trực thuộc bộ, cơ quan	Người	666	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	10,02	
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	918	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	833	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	14,6	

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Ban hành văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành được giao quản lý (theo quy định tại Nghị định 62/2020/NĐ-CP)	Đã ban hành = 1 Chưa ban hành = 0	0	
1.2.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	25	
1.3.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	8	
1.4.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	52	
2.2.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kể từ đầu năm)	Người		
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		0	
4.1.	Số lãnh đạo cấp bộ bị kỷ luật.	Người		
4.2.	Số lãnh đạo cấp vụ, cục, tổng cục thuộc bộ bị kỷ luật.	Người		
4.3.	Số lãnh đạo của các tổ chức bên trong các vụ, cục, tổng cục thuộc bộ, cơ quan bị kỷ luật.	Người		
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các ĐVSN bị kỷ luật.	Người		

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.	Tỷ lệ thực hiện vốn đầu tư công			
2.1.	Kế hoạch	Triệu đồng	462.724	Kế hoạch đã phân bổ đến 29/5/2022
1.2	Thực hiện	Triệu đồng	60.046	Số giải ngân đến 29/5/2022
2.	Ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ			
3.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ			
3.1.	Tổng số ĐVSN thuộc Bộ	Đơn vị	27	
3.2.	Số đơn vị tự đảm bảo chi đầu tư và chi thường xuyên	Đơn vị	03	
3.3.	Số đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên	Đơn vị	04	
3.4.	Số đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên			
3.4.1.	Số đơn vị từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị		
3.4.2.	Số đơn vị từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị		
3.4.3.	Số đơn vị từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị	12	
3.5	Số ĐVSN do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên	Đơn vị	08	

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc Chính phủ điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	Kiến trúc CPĐT phiên bản 2.0 được ban hành ngày 28/9/2020 tại Quyết định số 1433/QĐ-BKHĐT. Bộ luôn tổ chức triển khai, duy trì và cập nhật Kiến trúc theo quy định.
2.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo			
2.1	Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa làm = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	- Đã xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ có địa chỉ tại https://baocaodientu.mpi.gov.vn và hoàn thành kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.
2.2	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	55,45%	Hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang trong quá trình thực hiện việc điện tử hóa và cung cấp dữ liệu theo Quyết định số 293/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; tình hình thực hiện đến nay như sau: + Số chỉ tiêu do Bộ chủ trì phải cung cấp: 101 chỉ tiêu; + Số chỉ tiêu báo cáo đã có dữ liệu và được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia là 56/101 Đạt tỷ lệ: $(56/101) \times 100\% = 55,45\%$
3.	Tỷ lệ hồ sơ công việc của bộ được xử lý trên môi trường mạng	%	45,8%	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng trong 6 tháng đầu năm 2022 là 63,16%, cụ thể: (Số lượng văn bản đi của Bộ là 14.493 Số lượng văn bản đi được trình ký qua môi trường mạng: 6.636 Tỷ lệ xử lý văn bản trên môi trường mạng là: $(6.636/14.493) \times 100 = 45,8\%$
4.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của bộ, cơ quan (Chỉ thống kê tỷ lệ văn	%	100%	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	<i>bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử)</i>			
5.	Xây dựng, vận hành hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của bộ, cơ quan			
5.1	Xây dựng Hệ thống thông tin một cửa điện tử	Đã hoàn thành = 1 Chưa hoàn thành = 0	1	Phần mềm một cửa điện tử Bộ Kế hoạch và Đầu tư có địa chỉ tại https://motcua.mpi.gov.vn được đánh giá đáp ứng bộ tiêu chí kỹ thuật theo quy định và được công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông.
5.2	Hệ thống thông tin một cửa điện tử đã kết nối liên thông với 100% đơn vị có chức năng giải quyết TTHC thuộc bộ, cơ quan (Các vụ, Cục, Tổng cục,...)	Đạt 100% = 1 Chưa đạt 100% = 0	1	Hệ thống thông tin một cửa điện tử đã kết nối liên thông với 4/4 (100% đơn vị) có chức năng giải quyết TTHC thuộc Bộ: Cục PTDN, Cục QLĐT, Cục ĐTNN, Vụ KTĐN
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100%	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3 = Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3/Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3 = 6/6
6.1.1	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	<i>Thủ tục</i>	6	Thông tin do các đơn vị cung cấp, báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP, số liệu dịch vụ công trực tuyến tháng 5/2022
6.1.2	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	<i>Thủ tục</i>	6	Thông tin do các đơn vị cung cấp, báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP, số liệu dịch vụ công trực tuyến tháng 5/2022
6.1.3	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có</i>	<i>Thủ tục</i>	6	Thông tin do các đơn vị cung cấp, báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP, số liệu dịch vụ công trực tuyến tháng 5/2022

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	<i>phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>			
6.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100%	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4 = Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4/Tổng số TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4 = $(47/47) \times 100\% = 100\%$
6.2.1	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	<i>Thủ tục</i>	47	Thông tin do các đơn vị cung cấp, báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP, số liệu dịch vụ công trực tuyến tháng 05/2022
6.2.2	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	<i>Thủ tục</i>	47	Thông tin do các đơn vị cung cấp, báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP, số liệu dịch vụ công trực tuyến tháng 5/2022
6.2.3	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	47	Thông tin do các đơn vị cung cấp, báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP, số liệu dịch vụ công trực tuyến tháng 5/2022
6.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên cổng DVC quốc gia	%	100%	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên cổng DVC quốc gia = Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên cổng DVC quốc gia / Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của bộ, cơ quan = $(53/53) \times 100\% = 100\%$
6.3.1	<i>Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của bộ, cơ quan</i>	<i>Thủ tục</i>	53	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của bộ = Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 + Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 = $47+6=53$
6.3.2	<i>Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên cổng DVC quốc gia</i>	<i>Thủ tục</i>	53	Thông tin trên cổng DVC quốc gia https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-tthc-bonganhtinh.html?id1=599&lan=1&name1=B%E1%BB%99%20K%E1%BA%BF%20ho%E1%BA%A1ch%20v%C3%A0

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				%20%C4%90%E1%BA%A7u%20t%C6%B0&type_tinh_bo=1
6.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (<i>Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ</i>)	%	82,2%	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 = Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến / Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận = $(249.557/296.312)*100\%= 84,22\%$
6.4.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (<i>cả trực tiếp và trực tuyến</i>)	Hồ sơ	296.312	Thông tin do các đơn vị cung cấp, báo cáo
6.4.2	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	249.557	Thông tin do các đơn vị cung cấp, báo cáo
6.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	94,4%	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến = Số TTHC đã được triển khai thanh toán trực tuyến trên cổng DVC quốc gia hoặc trên cổng DVC của bộ, cơ quan / Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính = $(35/36)*100\%= 94,4\%$
6.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (<i>tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...</i>)	Thủ tục	36	Thông tin do các đơn vị cung cấp, báo cáo
6.5.2	Số TTHC đã được triển khai thanh toán trực tuyến trên cổng DVC quốc gia hoặc trên cổng DVC của bộ, cơ quan	Thủ tục	34	Thông tin do các đơn vị cung cấp, báo cáo